TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **406**/2023/HC-PT
Ngày: 19/12/2023
V/v: "Khiếu kiện QĐHC, HVHC trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Phước Hòa**.

Các thẩm phán: - Ông **Đặng Kim Nhân**

- Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 247/2022/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2023 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2023/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 441/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* bà Nguyễn Thị C**, sinh năm 1951; địa chỉ:** Tổ B**,** khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định**. Có mặt**

Người đại diện theo ủy quyền: **ông** Trương Hồng Q**; địa chỉ:** thôn L, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên**. Có mặt**

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tuấn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Vắng mặt

2. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Công V - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định**.**

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Anh T1**. Vắng mặt**

2. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Sơn B - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Anh Đỗ Nguyễn Minh K, chị Đỗ Nguyễn Minh K1, anh Đỗ Nguyễn Minh K2, chị Đỗ Nguyễn Minh K3. Cùng **địa chỉ:** Tổ B, khu V, Phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định**. Vắng mặt**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị C *và người đại diện theo ủy quyền ông* Trương Hồng Q *cùng trình bày:*

Bà Nguyễn Thị C có thửa đất diện tích hơn 2.000m^2, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại tổ B, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Nguồn gốc thửa đất do chồng bà là ông Đỗ Văn L khai hoang và bà mua lại của ông Đỗ Văn N. Bà sinh sống và canh tác ổn định trên mảnh đất này từ năm 1979 cho đến nay, nhưng hiện nay UBND tỉnh B và UBND thành phố Q thu hồi, cưỡng chế đất của bà để phân lô bán trái pháp luật. Ngày 18/8/2022, khi UBND tỉnh chưa có Chủ tịch tỉnh, ông Nguyễn Tuấn T đã ký thay Chủ tịch Quyết định số 2653/QĐ-UBND. Nay UBND tỉnh B ban hành thêm Quyết định trái pháp luật, thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường chính sách của Đảng và Nhà nước. Hơn 2.000m^2 đất của bà trong đó có hơn 1.000m^2 mua lại của ông Đỗ Văn N từ năm 2002 và được bà sử dụng và canh tác liên tục từ đó cho đến nay, nhưng bị UBND thành phố Q ban hành Văn bản thu hồi và cưỡng chế trái pháp luật tại Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q. Mới đây, Ban ban hành Nghị định số 18 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, nhưng UBND thành phố Q, UBND tỉnh B tiếp tục có những hành vi trái pháp luật, ban hành văn bản trái pháp luật, không phù hợp với Nghị quyết số 18, coi thường chỉ đạo của Trung ương Đảng, trái quy định những điều Đảng viên không được làm. Những người bị kiện đã vi phạm quy định cua Đảng, cố ý làm trái quy định pháp luật trong hoạt động quản lý đất đai, vi phạm quy định về những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương, quy chế làm việc, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Việc làm nêu trên của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định là không phù hợp với pháp luật, chính sách của Đảng – Nhà nước, vi phạm điều lệ Đảng, điều đảng viên không được làm.

Nay bà Nguyễn Thị C yêu cầu tòa án giải quyết hủy các Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B, hủy Quyết định

3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Q, hủy Quyết định 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Q, hủy Quyết định 6036/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị C để xây dựng khu dân cư HH1 và HH2. Yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị C hơn 2.000m^2 đất bà Nguyễn Thị C đang ở và canh tác tại tổ B, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo đúng luật đất đai.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác mà không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B***,*** *người đại diện theo ủy quyền ông* Nguyễn Tuấn T - *Phó Chủ tịch thường trực* Ủy ban nhân dân tỉnh B ***trình bày:***

Thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A (đoạn từ ngã ba P đến ngã ba L), hộ bà Nguyễn Thị C kê khai diện tích ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án là 1.019,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.152,6m^2 (phía Đông thửa đất). Trên cơ sở kết quả xác nhận nguồn gốc đất và nhà của UBND phường T tại Công văn số 72/UBND-ĐC ngày 11/6/2014, Công văn số 67/UBND-ĐC ngày 01/8/2018 và Công văn số 86/UBND-ĐC ngày 15/10/2018, Hội dồng bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 với tổng số tiền là 2.764.900 đồng (không được bồi thường, hỗ trợ về đất, bồi thường cây cối và thường giao trả mặt bằng sớm) và Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 với tổng giá trị bổ sung là 79.226.880 đồng (bổ sung giá trị hỗ trợ 50% giá đất ở đối với diện tích 48m^2 xây dựng nhà sàn trước ngày 01/7/2004, diện tích còn lại 971,2m^2 được hỗ trợ 30% giá đất nông nghiệp). Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND tỉnh phê duyệt, bà Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 và hủy một phần Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý, giải quyết tại Bản bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HC-ST ngày 22/4/2021, theo đó: Bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Không đồng ý với kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo và được Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thụ lý, giải quyết tại Bản án hành chính phúc thẩm số 262/2021/HC-PT ngày 03/12/2021, theo đó chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc hủy các Quyết định sau: hủy một phần Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh B (phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ), hủy một phần Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh B (phê duyệt bổ sung hỗ trợ đất ở, đất nông nghiệp). Buộc Cơ quan Nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Bác yêu cầu khởi kiện

của bà Nguyễn Thị C về các yêu cầu sau: Yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị C đối với thửa đất bị ảnh hưởng thu hồi, yêu cầu hủy Văn bản số 2099/UBND-TH ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh B (đồng ý chủ trương áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà C).

Căn cứ Bản án hành chính phúc thẩm số 262/2021/HC-PT ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" và trên cơ sở đề xuất của các cơ quan chức năng, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2, phường T, thành phố Q, theo đó: Hộ bà C được UBND tỉnh phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ là 1.211.861.000 đồng, gồm: Bồi thường 48m^2 đất ở: 424.320.000 đồng; Bồi thường 752,9m^2 đất nông nghiệp 122.572.120 đồng; Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm: 334.287.600 đồng; Bồi thường nhà cửa vật kiến trúc: 296.129.700 đồng; Bồi thường cây cối hoa màu:2.552.000 đồng; Các khoản hỗ trợ khác: 27.000.000 đồng; T2 giao trả mặt bằng: 5.000.000 đồng.

Về tái định cư: Hộ bà C được giao lô đất tái định cư có ký hiệu D20, diện tích 109m^2, lộ giới 14m thuộc khu dân cư HH1 và HH2, phường T, thành phố Q; tiền sử dụng đất ở hộ bà Nguyễn Thị C phải nộp (chưa kể các khoản phí và lệ phí) là 1.180.320.000 đồng. Không đồng ý với Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuậ khu dân cư HH1 và HH2, phường T, thành phố Q; bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu hủy Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh và được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm tại Thông báo số 53/2022/TBTL-HC ngày 08/11/2022. Chủ tịch UBND tỉnh B khẳng định: Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2, phường T, thành phố Q là đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh là không có cơ sở.

Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Q***,*** UBND thành phố Q***, tỉnh Bình Định*** *người đại diện theo ủy quyền ông* Nguyễn Công V - *Phó Chủ tịch* Ủy ban nhân dân thành phố Q*, tỉnh Bình Định* ***trình bày:***

Ngày 08/4/2014, UBND thành phố Q **ban hành Quyết định số 2307/QĐ-UBND về việc duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình: Khu tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng** Quốc lộ A **tại khu HH1 và HH2 thuộc khu quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/200 khu vực 1 và** khu V phường T, thành phố Q **(gọi tắt là khu quy hoạch dân cư HH1 và HH2). Ban GPMB và phát triển quỹ đất tỉnh (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất**

tỉnh) được UBND tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện phương án bồi thường GPMB khu quy hoạch dân cư HH1 và HH2 tại Thông báo số 57/TB-UBND ngày 18/4/2014 của UBND tỉnh B**.**

Trên cơ sở hồ sơ kiểm kê và chính sách pháp luật theo quy định hiện hành UBND tỉnh B **đã phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ do GPMB xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2 phường** Trần Quang D **đối với hộ ông** Đỗ Văn N **và bà** Nguyễn Thị C **tại 02 Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 và Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/6/2019. Ngày 26/7/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh có Văn bản số 360/TTPTQĐ-BTGPMB về việc thu hồi đất do GPMB để xây dựng khu dân cư HH1 và HH2 tại** phường T, thành phố Q**. Ngày 11/9/2019,** phòng T4 **có tờ trình số 584/TTr-TNMT về việc thu hồi đất của 03 hộ dân do GPMB để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2 tại** phường T, thành phố Q**. Ngày 19/9/2019,** UBND thành phố Q **đã ban hành Quyết định số 6037/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông** Đỗ Văn N **do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại** phường T, thành phố Q**, thu hồi thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.019,2m^2, thuộc** phường T, thành phố Q**.**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2099/UBND-TH ngày 03/4/2020 về việc giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường. GPMB để xây dựng khu dân cư HH1 và HH2 thuộc phường T, thành phố Q**, với nội dung: Đồng ý chủ trương cho áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất với một số hộ dân (cụ thể các hộ bà** Nguyễn Thị C**, ông** Hồ Văn N1 **và bà** Lê Thị H**) không chấp hành giao trả mặt bằng tại dự án khu dân cư HH1 và HH2 thuộc** phường T, thành phố Q**.**

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T5**;** UBND thành phố Q **đã ban hành Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất với hộ ông** Đỗ Văn N **do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 thuộc** phường T, thành phố Q **là đúng theo quy định pháp luật. Trên đây là trình tự thủ tục ban hành các Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông** Đỗ Văn N **do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 thuộc** phường T, thành phố Q**, Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 về việc thu hồi đất của hộ ông** Đỗ Văn N **do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại** phường T, thành phố Q**: thu hồi thửa đất số 41, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.61,3m^2 thuộc** phường T, thành phố Q **và Quyết định số 6036/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà** Nguyễn Thị C **do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại** phường T, thành phố Q**: thu hồi thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.019,2m^2 thuộc** phường T, thành phố Q**. Do đó, bà** Nguyễn Thị C **có đơn yêu cầu hủy các Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố, Quyết định**

số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố và Quyết định số 6036/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường T ***ông*** Trần Bình S ***trình bày:***

Bản đồ địa chính năm 1996 thuộc một phần thửa đất số 29, tờ bản đồ số 05, loại đất màu và một phần đường đi phía Đông thửa đất. Bản đồ phục vụ GPMB thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.019,20m^2.

Nguồn gốc do ông Đỗ Văn L (chồng bà C – đã chết) và ông Đỗ Văn N khai vỡ đất hoang từ khoảng năm 1979. Trong thời gian khai vỡ đến trước năm 2014 ông N và ông L có trồng hoa màu đối với những năm thời tiết thuận lợi, đối với những năm thời tiết không thuận lợi bỏ hoang. Khoảng từ năm 2000, hộ ông N và ông L tự phân chia sử dụng. Từ năm 2014 liên tục trồng hoa màu cho đến nay.

Khoảng từ năm 1996 đến trước ngày -1/7/2004 bà C xây dựng nhà sàn, vách gỗ, mái tôn trên một phần diện tích thửa đất (góc Đông Bắc). Tháng 10/2005, bà C xây dựng móng nhà bao phần nhà sàn đã xây dựng nói trên. UBND phường phối hợp với Đội quản lý trật tự đô thị lập biên bản vi phạm và ban hành xử phạt vi phạm hành chính số 94/QĐ-UBND ngày 07/10/2005 và tổ chức cưỡng chế tháo dỡ. Sau đó bà C tháo bỏ nhà sàn, xây dựng nhà như hiện nay trên vị trí xây dựng nhà sàn, sử dụng cho đến nay.

Về nhà ở, đất ở của bà C: Năm 1996 do hoàn cảnh của bà C không có nhà ở nên UBND phường giao cho bà 01 lô đất ở tổ G, khu V, phường T để xây dựng nhà ở (diện giao đất trái thẩm quyền), bà C đã xây dựng móng nhưng từ đó cho đến nay không xây dựng nhà. Ngoài ngôi nhà đang sử dụng nằm trong quy hoạch khu dân cư HH1 và HH2 và móng nhà trên, bà C không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn phường T. Hộ bà C là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định do ông Phạm Anh T1 ***trình bày:***

Năm 2014, theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban quản lý GPMB và PTQĐ thực hiện GPMB (giai đoạn 1) để bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB công trình: Nâng cấp mở rộng Quốc lộ A**, đoạn từ ngã ba** P **đến ngã ba** L**. Hộ bà** Nguyễn Thị C **bị ảnh hưởng 01 phần diện tích thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.152,6m^2 (phía Đông thửa đất). Nguồn gốc đất và nhà được** UBND phường T **xác nhận tại công văn số 72/UBND-ĐC ngày 11/6/2014 như sau: "Bản đồ phục vụ GPMB thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.152,6m^2. Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1996 thì diện tích trên thuộc 02 thửa đất: Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.386,59m^2, loại đất ghi trên bản đồ là đất màu và thửa đất số 28, tờ bản đồ số 5, diện tích 213,15m^2. Nguồn gốc: Nguyên thửa đất màu do HTX quản lý nhưng do đất bị sa bồi, sản xuất không hiệu quả nên không giao cho hộ dân sản xuất được và trở thành đất hoang từ trước ngày 15/10/1993. Trong giai đoạn từ năm 1984 đến trước năm 2000 một số hộ**

dân như ông Nguyễn A**,** Lê Văn C1**… thấy đất bỏ hoang nên tận dụng trồng hoa màu (khoai lang, đậu phụng, mè…) nhưng không hiệu quả nên chỉ sản xuất một vài năm rồi bỏ hoang cho đến nay. Tháng 10/2005 bà** C **xây dựng nhà ở trên một phần diện tích thửa đất, UBND phường phối hợp với Đội quản lý trật tự Đô thị lập biên bản vi phạm và ban hành Quyết định cưỡng chế số 94/QĐ-UBND ngày 07/10/2005 và tổ chức cưỡng chế tháo dỡ toàn bộ nhà. Sau đó bà** C **tái lấn chiếm xây dựng lại nhà ở như hiện nay. Trên cơ sở đó, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thống nhất hộ bà** Nguyễn Thị C **không được bồi thường, hỗ trợ và nhà cửa, vật kiến trúc; chỉ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 12/8/2014; theo đó, hộ bà** Nguyễn Thị C**, không được bồi thường, hỗ trợ về đất, chỉ được bồi thường cây cối và thưởng giao trả mặt bằng sớm: 2.764.900 đồng; Hộ bà không đồng ý gửi đơn khiếu nại. Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 09/4/2015 thì phần diện tích đất bà** C **kê khai là 1.019,2m^2 thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1. Đến tháng 8/2015,** Ban Q1 **đất tỉnh tách thành 02 đơn vị là Trung tâm phát triển quỹ đất và Ban GPMB tỉnh, toàn bộ hồ sơ bồi thường liên quan đến thửa đất này được bàn giao cho Ban GPMB tỉnh tiếp tục thực hiện, nhưng chưa giải quyết xong. Sau khi chia tách Trung tâm phát triển quỹ đất được** U **thực hiện GPMB phần còn lại để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2,** phường T **để bán đấu giá QSDĐ thu ngân sách cho tỉnh thì toàn bộ diện tích thửa đất số 20 nói trên bị ảnh hưởng dự án không san lấp được. Do đó, ngày 24,4,2018 Trung tâm nhận lại hồ sơ từ GPMB trình để tiếp tục giải quyết GPMB để thực hiện dự án.**

Phương án bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt lần 2:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2301/UBND-TH ngày 04/5/2019 về việc áp dụng chính sách và đơn giá bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất thu hồi thuộc dự án xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 phường T, thành phố Q**; Ngày 01/8/2018,** UBND phường T **xác nhận lại nguồn gốc nhà đất hộ bà** Nguyễn Thị C **tại Công văn số 67/UBND-ĐC như sau: Bản đồ địa chính thuộc một phần thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5, loại đất màu và một phần đường đi phía Đông thửa đất. Bản đồ phục vụ GPMB thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.019,20m^2. Nguồn gốc: Ông** Đỗ Văn L **(chồng bà** C**-hiện nay đã chết) và ông** Đỗ Văn N **(anh chồng bà** C**) khai vỡ đất hoang từ khoảng năm 1979. Trong thời gian từ khi khai vỡ đến trước năm 2000 ông** L **và ông** N **có trồng hoa màu đối với những năm thời tiết không thuận lợi bỏ hoang. Khoảng năm 2000, hộ ông** L **và ông** N **tự phân chia để sử dụng. Từ năm 2000 đến năm 2013 bỏ hoang. Từ năm 2014 liên tục trồng hoa màu cho đến nay. Khoảng từ sau năm 1996 đến trước ngày 01/7/2004 bà** C **xây dựng nhà sàn, vách gỗ, mái tôn, trên một phần diện tích của thửa đất (góc Đông Bắc). Tháng 10/2005, bà** C **xây dựng móng nhà bao phần nhà sàn đã xây dựng nói trên. UBND phường phối hợp với Đội quản lý trật tự đô thị lập biên bản vi phạm và ban hành Quyết định xử**

phạt vi phạm hành chính số 94?QĐ-UBND ngày 07/10/2005 và tổ chức cưỡng chế tháo dỡ. Sau đó, bà C **phá bỏ nhà sàn, xây dựng nhà như hiện nay trên vị trí đã xây dựng nhà sàn, sử dụng cho đến nay.**

Về nhà ở, đất ở của bà C**: Năm 1995, do hoàn cảnh của bà** C **không có nhà ở nên UBND phường giao cho bà một lô đất trái thẩm quyền), bà** C **đã xây dựng móng nhưng từ đó đến nay không xây dựng nhà. Ngoài ngôi nhà đang sử dụng nằm trong quy hoạch khu dân cư HH1 và HH2 và móng nhà nêu trên, bà** C **không có chỗ ở nào khác trên địa bàn** phường T**. Hộ bà** C **trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Ngày 15/10/2018,** UBND phường T **xác nhận bổ sung trường hợp bà** Nguyễn Thị C **tại Công văn số 86/UBND-ĐC như sau: Từ sau năm 1996 đến trước ngày 01/7/2004, hộ bà** Nguyễn Thị C **xây dựng 48,0m^2 nhà sàn, vách gỗ, mái tôn trên một phần diện tích tại góc Đông Bắc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1 với mục đích để ở. Hộ bà** C **liên tục ở tại ngôi nhà này từ khi xây dựng cho đến nay.**

Căn cứ nội dung tại Công văn số 67/UBND-ĐC ngày 01/8/2018 và Công văn só 86/UBND-ĐC ngày 15/10/2018 và ý kiến thống nhất của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và T3 **định cư tại biên bản họp ngày 14/9/2018. Trung tâm lập phương án điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ (theo chính sách ban hành kèm theo Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh) trình và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/6/2019; theo đó: Hộ bà** Nguyễn Thị C **được bổ sung giá trị hỗ trợ 50% giá đất ở đối với diện tích xây dựng nhà sàn (48m^2) trước ngày 01/7/2004, diện tích còn lại 971,2m^2 đã được hỗ trợ 30% giá đất nông nghiệp. Tổng giá trị bổ sung là: 79.226.880 đồng.** UBND thành phố Q **đã ban hành Quyết định số 6036/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 về việc thu hồi đất của hộ bà** Nguyễn Thị C**. Tuy nhiên, bà** C **vẫn không đồng ý, ngày 28/8/2019 Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với** UBND phường T **mời hộ bà** C **làm việc vận động hộ bà nhận tiền giao trả mặt bằng nhưng bà vẫn không đồng ý. Ngày 16/9/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất có Văn bản số 08/BC-TTPTQĐ ngày 14/01/2020 báo cáo** Sở T6**. Ngày 31/01/2020,** Sở T6 **báo cáo UBND tỉnh tại Báo cáo số 53/BC-STNMT. Ngày 03/4/2020, UBND tỉnh có Văn bản số 2099/UBND-TH đồng ý chủ trưng áp dụng biện pháp cưỡng cế thu hồi đất đôi với hộ bà** Nguyễn Thị C**. Ngày 23/6/2020,** UBND thành phố Q **ban hành Quyết định số 3189/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất hộ bà** Nguyễn Thị C **do GPMB xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại** phường T, thành phố Q**. Không đồng ý với phương án được duyệt bà** C **khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh. Ngày 22/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sở thẩm tại bản án số 14/2021/HC-ST bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà** Nguyễn Thị C**. Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Ngày 20//5/2021, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định số 14/QĐ-VKS-HC Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HC-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, theo đó Viện kiểm sát nhân dân cấp cao**

tại Đà Nẵng có nhận xét: Theo khoản 1 Điều 175 Luật đất đai năm 2013, Điều 22 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì trường hợp của bà Nguyễn Thị C **tuy có vi phạm pháp luật đất đai bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2005 nhưng về nguồn gốc là do gia đình bà khai hoang từ năm 1979, thực hiện việc quản lý sử dụng và xây dựng nhà ở ổn định cũng như trồng cây hoa màu đến thời điểm bị thu hồi. Ngoài ra,** UBND phường T **cũng xác định hộ bà** Nguyễn Thị C **cũng không có chỗ ở ào khác ngoài ở trên thửa đất nêu trên. Đối với phần diện tích bà** C **xây dựng nhà ở 48m^2 cần phải được UBND tỉnh xem xét đất ở hoặc phải công nhận hạn mức đất ở theo quy định của** UBND tỉnh B**. Phần đất còn lại sau khi được công nhận đất ở là diện tích đất nông nghiệp thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà** C **là căn cứ để tính giá trị bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nêu trên mới có căn cứ, đúng pháp luật. Ngày 03/12/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm tại Bản án số 262/2021/HC-PT như sau:** chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C và Quyết định kháng nghị số 14/QĐ-VKS-HC ngày 20/5/2021 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa bản án sơ thẩm; chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc hủy các Quyết định sau: hủy một phần Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh B (phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ), hủy một phần Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh B (phê duyệt bổ sung hỗ trợ đất ở, đất nông nghiệp). Buộc Cơ quan Nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về các yêu cầu sau: Yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị C đối với thửa đất bị ảnh hưởng thu hồi, yêu cầu hủy Văn bản số 2099/UBND-TH ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh B

Phương án bồi thường, hỗ trợ phê duyệt lần 3

Căn cứ Bản án phúc thẩm số 262/2021/HC-PT ngày 03/12/2021, của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" và Quyết định số 14/QĐ-VKS-HC ngày 20/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HC-ST ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Thực hiện ý kiến của UBND tỉnh tại Công văn số 2385/UBND-TH ngày 06/5/2022 về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB xây dựng dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2, theo đó UBND tỉnh đồng ý chủ trương điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với 93 hộ dân (gồm họ bà Nguyễn Thị C**, hộ bà** Lê Thị H1 **và hộ ông** Đỗ Văn N**) bị ảnh hưởng so GPMB xây dựng dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2,** phường T, thành phố Q **như đề xuất của** Sở T6 **tại Báo cáo 71/Bc-STNMT ngày 18/4/2022. Trung tâm phát triển quỹ đất lập**

phương án trình UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022; theo đó, hộ bà Nguyễn Thị C **được UBND tỉnh phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ là 1.211.861.000 đồng. cụ thể: Bồi thường 48m^{2}đất ở: 424.320.000 đồng; bồi thường 752,9m^2 đất nông nghiệp 122.527.120 đồng; Hỗ trợ tử chuyển đổi nghề và tạo việc làm: 334.287.600 đồng; bồi thường nhà cửa vật kiến trúc: 286.129.700 đồng; Bồi thường cây cối, hoa màu:: 2.552.000 đồng; Các khoản hỗ trợ khác: 27.000.000 đồng;** T2 **giao trả mặt bằng là 5.000.000 đồng. Hộ bà** C **được giao tái định cư lô đất ký hiệu D20, diện tích 109m^2, lộ giới 14m thuộc khu dân cư HH1 và HH2,** phường T, thành phố Q**; Tiền sử dụng đất ở hộ bà** Nguyễn Thị C **phải nộp (chưa kế các khoản phí và lệ phí) là 1.180.320.000 đồng. Ngày 31/8/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất đã gửi Thông báo số 183/TB-TTPTQĐ niêm yết Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt phương án bồi thường, ửi bảng tính chi tiết về giá trị b ồi thường và đơn dăng ký nhận tiền cho hộ bà** C**. Ngày 15/9/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất đã gửi Thông báo số 209/TB-TTPTQĐ thông báo hộ bà** C **làm thủ tục nộp tiền sử dụng đất tái định cư. Nhưng bà** C **không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nêu trên; tiếp tục khởi kiện.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Nguyễn Minh K2***, ông*** Đỗ Nguyễn Minh K***, ông*** Đỗ Nguyễn Minh K1***, ông*** Đỗ Nguyễn Minh K3 ***cùng trình bày:***

Các ông là con của bà Nguyễn Thị C, các ông thống nhất theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Nguyễn Thị C các ông không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2023/HC-ST ngày 25/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

"- *Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 điểm h, khoản 1 Điều 143; Điều 157, Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật tố tụng hành chính năm 2015;*

- Căn cứ vào quy định Luật Hội đồng nhân dân và UBND ngày 26/11/2003, Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019, Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T5 *quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của* UBND tỉnh B *về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định.*

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tố tụng hành chính; Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C *về việc yêu cầu tòa án giải quyết hủy Quyết định 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch* UBND thành phố Q *về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông* Đỗ Văn N *do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại* phường T, thành phố Q*, hủy Quyết định 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của* UBND thành phố Q *về việc thu hồi đất của hộ ông* Đỗ Văn N *do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại* phường T, thành phố Q *và yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho bà* Nguyễn Thị C *diện tích 1016,3m^2, đất mà Nhà nước thu hồi đất của hộ ông* Đỗ Văn N *tại* tổ B, khu V, phường T, thành phố Q*, hủy Quyết định 6036/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của* UBND thành phố Q*, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của hộ bà* Nguyễn Thị C *do GPMB để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2 tại* phường T, thành phố Q *và yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho bà* Nguyễn Thị C *diện tích 1019,3m^2, đất bà* Nguyễn Thị C *đang ở và canh tác tại* tổ B, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định *theo đúng luật đất đai.*

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C *về việc bà* C *yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch* UBND tỉnh B *về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2 tại* phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định*."*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2023, bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Ngày 15/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gửi đơn kháng cáo của bà C cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định có Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo.

Ngày 22/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định nhận được "*Đơn kháng cáo*" của bà Nguyễn Thị C với nội dung yêu của Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Q.

Sau đó, bà Nguyễn Thị C tiếp tục có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đối với Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc thu hồi đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của những người bị kiện đều vắng mặt. Thấy, đây là phiên tòa mở lần hai và việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án vì các đương sự đều đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc thu hồi đất của hộ ông Đỗ Văn N do giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng hạ tầng Khu dân cư HH1&HH2 tại phường T, thành phố Q, với nội dung: Thu hồi 1.016,3m^2 tại toàn phần thửa đất số 41, tờ bản đồ trích đo số 1 (bản đồ địa chính năm 1996 là một phần thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5 loại đất màu và thửa đất số 28, tờ bản đồ số 5 loại đất hoang) thuộc phường T, thành phố Q của hộ ông Đỗ Văn N.

Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Văn N do giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư HH1&HH2 tại phường T, T.

Theo Văn bản số 67/UBND-DC ngày 01/8/2018, Ủy ban nhân dân phường T xác nhận "*Nguồn gốc: Ông* Đỗ Văn N *và ông* Đỗ Văn L *(em ông* N*) khai vỡ đất hoang từ khoảng năm 1979. Trong thời gian từ khi khai vỡ đến trước năm 2000 ông* N *và ông* L *có trồng hoa màu đối với những năm thời tiết thuận lợi, đối với những năm thời tiết không thuận lợi thì bỏ hoang. Khoảng năm 2000, hộ ông* L *và ông* N *tự phân chia để sử dụng. Từ năm 2000 đến năm 2013 bỏ hoang. Từ năm 2014 liên tục trồng hoa màu cho đến nay*" (bl 272).

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì Bà Nguyễn Thị C trình bày: Gia đình bà đã nhận chuyển nhượng lại phần diện tích của ông Đỗ Văn N từ những năm 1990, tài sản trên đất là của gia đình bà. Bà C không đứng ra kê khai bồi thường khi Nhà nước thu hồi phần đất mà gia đình bà đã nhận chuyển nhượng từ ông N là do không biết việc thu hồi đất và Ủy ban nhân dân yêu cầu ông Đỗ Văn N đứng ra kê khai.

Tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính, đã quy định: "*1. Quyết định hành chính*

thuộc đối tượng khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính là văn bản được thể hiện dưới hình thức quyết định hoặc dưới hình thức khác như thông báo, kết luận, công văn do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức khác hoặc người có thẩm quyền trong các cơ quan, tổ chức đó ban hành có chứa đựng nội dung của quyết định hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính ***mà người khởi kiện cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm***". Mặc dù Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP để hướng dẫn Luật tố tụng hành chính 2011, hiện nay đang áp dụng Luật tố tụng hành chính 2015 nhưng tinh thần của quy định này vẫn được áp dụng.

Đối chiếu với hướng dẫn nêu trên, thì Quyết định 6037/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất mang tên ông Đỗ Văn N, nhưng trong trường hợp bà Nguyễn Thị C đã nhận chuyển nhượng đất từ ông N, tài sản cây cối trên đất là do gia đình bà C tạo lập thì bà C có quyền khởi kiện vì những quyết định hành chính nêu trên đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị C.

Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh đối với ông Đỗ Văn N về những vấn đề mà bà C trình bày có đúng không mà lại nhận định "*Vì 02 quyết định nêu trên của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân thành phố Q *và* Ủy ban nhân dân thành phố Q *ban hành 02 quyết định nói trên đối với hộ ông* Đỗ Văn N *mà ông* Đỗ Văn N *không ủy quyền cho bà* Nguyễn Thị C *khởi kiện nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123 Luật tố tụng hành chính thì người khởi kiện và* Nguyễn Thị C *không có quyền khởi kiện đối với 02 Quyết định 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch* Ủy ban nhân dân thành phố Q *và Quyết định 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của* Ủy ban nhân dân thành phố Q" để từ đó đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với Quyết định số 6037/QĐ-UBND và Quyết định số 3191/QĐ-UBND là không đúng quy định pháp luật.

[3] Theo đơn khởi kiện bổ sung và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị C trình bày không kháng cáo đối với Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Q đúng hạn vì khi nhận được bản án sơ thẩm đã cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy quyết định nêu trên, đến khi làm đơn đề nghị thi hành án thì mới biết Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện.

Thấy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định "*Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà* Nguyễn Thị C *về việc yêu cầu tòa án giải quyết hủy Quyết định 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch* UBND thành phố Q *về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông* Đỗ Văn N *do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại* phường T, thành phố Q*, hủy Quyết định 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của* UBND thành phố Q *về việc thu hồi đất của hộ ông* Đỗ Văn N *do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại* phường T, thành phố Q *và yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho bà* Nguyễn Thị C *diện tích 1016,3m^2, đất mà Nhà nước thu hồi đất của hộ ông* Đỗ Văn N *tại* tổ B, khu V, phường T, thành phố Q*"*. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phần quyết định

không rõ ràng, cụ thể: chỉ tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu tòa án giải quyết hủy Quyết định 3191/QĐ-UBND mà không nêu rõ đình chỉ đối với các quyết định, sau đó lại "*hủy Quyết định 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019*". Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo bổ sung của bà Nguyễn Thị C.

Hơn nữa Tòa án cấp phúc thẩm đã buộc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định phải thụ lý giải quyết đối với Quyết định số 3191/QĐ-UBND, để xem xét đánh giá tính hợp pháp của quyết định cưỡng chế thu hồi đất (Quyết định số 3191/QĐ-UBND) thì Tòa án cũng cần phải xem xét tính hợp pháp của quyết định thu hồi đất (Quyết định số 6037/QĐ-UBND).

[4] Với những nhận định nêu trên thì cần phải hủy một phần bản án hành chính sơ thẩm để đảm bảo quyền khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Những nội dung khác của bản án hành chính sơ thẩm như: đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố Q phải cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị C diện tích 1019,3m^2, đất bà Nguyễn Thị C đang ở và canh tác tại tổ B, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc bà C yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định thì bà Nguyễn Thị C không kháng cáo nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính;

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C

Hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2023/HC-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C yêu cầu tòa án hủy các quyết định: Quyết định 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Văn N do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q và Quyết định 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của hộ ông Đỗ Văn N do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 3191/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thành phố Q và Quyết định số 6037/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Q.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)	**(Đã ký)**
Đặng Kim Nhân Võ Thị Ngọc Dung	**Đinh Phước Hòa**